

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trước hết Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn các đơn vị, nhà cung cấp trang thiết bị y tế đã và đang hợp tác với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện tại Bệnh viện Quân y 103 đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm vật tư y tế năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quân y 103

- Địa chỉ: Số 261 Phùng Hưng, Phúc La, Hà Đông, TP. Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ người tiếp nhận báo giá:

- Đồng chí: Nguyễn Văn Khoa, Khoa Trang bị/Bệnh viện Quân y 103.

- Điện thoại: 0989 282838.

- Email: Nguyenkhoatb103@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại: Khoa Trang bị, Bệnh viện Quân y 103.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00' ngày 14 tháng 11 năm 2023 đến trước 17h00' ngày 24 tháng 11 năm 2023.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực tối thiểu của báo giá: 180 ngày kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục yêu cầu báo giá: (Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).

2. Hồ sơ báo giá:

- Báo giá: các đơn vị chào giá đầy đủ các nội dung theo mẫu Báo giá đính kèm.

- Các đơn vị có thể chào giá 1 phần hoặc nhiều phần và phải chào giá cho toàn bộ các mục trong phần mình tham dự.

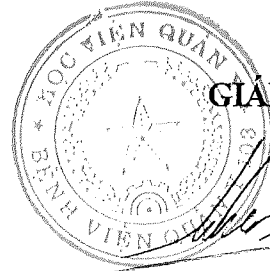
3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Hàng hóa được vận chuyển, lắp đặt và bàn giao tại Khoa Trang bị - Bệnh viện Quân y 103.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý I/2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban CNTT (để đăng tải);
- Lưu: CNTT, TB. K05.



GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Trần Viết Tiến

Phụ lục II
DANH MỤC VTYT GÓI SỐ 2: VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY
(kèm theo Thư mời chào giá ngày 14 / 11 / 2023 của Bệnh viện Quân y 103)

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
1	Phần 1	Bản điện cực trung tính	Cái	8000	Bề mặt tiếp xúc $\geq (15\text{cm} \times 20\text{cm})$, độ dính bám tốt.
2	Phần 2	Băng chỉ thị nhiệt hấp ướt	Cuộn	300	Băng dính giấy, có 01 mặt phủ keo, bám dính tốt, co giãn, không bung sau hấp, không để lại vết keo khi bóc. - Chiều dài $\geq 50\text{m}$; chiều rộng: (18mm - 22 mm). - Có vạch chỉ thị đổi màu thấy rõ bằng mắt thường ở nhiệt độ từ 121°C tới 134°C, khoảng cách giữa các vạch từ $\leq 17\text{ mm}$.
3	Phần 3	Băng mực cho máy hàn túi	Cuộn	20	Loại mực in đen. Tương thích với máy hàn túi TSM850/ hãng Hawo
4	Phần 4	Bể nhuộm tiêu bản kèm giá nhuộm	Bộ	10	Chất liệu nhựa chịu nhiệt và hóa chất, chuyên dùng cho nhuộm tiêu bản trong giải phẫu bệnh, gồm bể nhuộm có nắp, giá nhuộm đồng thời ≥ 20 tiêu bản.
5	Phần 5	Bình thủy tinh tam giác 1000ml không nắp	Cái	100	Thủy tinh trong suốt, dạng tam giác, không nắp; chịu nhiệt hấp sấy ≥ 170 độ C, có vạch chia. Dung tích 1000ml $\pm 10\%$.
6	Phần 6	Bình thủy tinh tam giác không nắp loại 50 ml	Cái	100	Thủy tinh trong suốt, dạng tam giác, không nắp; chịu nhiệt hấp sấy 170 độ C $\pm 10\%$, có vạch chia. Dung tích 50ml $\pm 10\%$.
7	Phần 7	Bộ bơm thuốc cân quang dùng cho Bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng Mark 7/ hãng Medrad.	Bộ	500	Bao gồm: + 1 xilanh dung tích 150ml $\pm 5\%$; chịu áp lực cao $\geq 350\text{psi}$. + 1 Ống hút lấy thuốc nhanh, chất liệu PE, không chứa DEHP, đường kính trong $\geq 3.9\text{mm}$. Có đầu nối Luer Lock chất liệu PC; tương thích kết nối với bơm thuốc cân quang 1 nòng Mark 7/ hãng Medrad. Vô trùng từng chiếc
8	Phần 8	Bộ bơm thuốc cân quang dùng cho Bơm tiêm thuốc cân quang Envision Vistron hãng Medrad	Bộ	300	Bộ bơm tiêm dùng cho máy bơm cân quang Envision, Vistron CT. Bao gồm: + 2 xilanh dung tích 200ml $\pm 5\%$; Chất liệu thân: PP; cụm pittong chất liệu nhựa ABS và cao su tổng hợp. + 1 dây dẫn thuốc áp lực cao chữ Y dài $\geq 150\text{cm}$, có van một chiều đường kính trong $\leq 2\text{mm}$ + 2 ống hút lấy thuốc nhanh chất liệu PE, không chứa DEHP, Đầu nối Luer Lock tương thích bơm tiêm thuốc cân quang Envision Vistron/ hãng Medrad. Vô trùng từng bộ.
9	Phần 9	Bộ bơm thuốc cân quang dùng cho máy bơm cân quang hai nòng Imaxeon Salient.	Bộ	500	Bộ xilanh dùng cho máy bơm cân quang hai nòng Imaxeon Salient. Bao gồm: + 2 xilanh dung tích $\geq 190\text{ml}$ + 2 đầu lấy thuốc + 1 dây nối áp lực cao chữ Y dài $\geq 150\text{cm}$, có van một chiều đường kính trong $\leq 2\text{mm}$, Xilanh và dây nối chịu được áp lực $\geq 350\text{psi}$. Chất liệu: Thân xilanh: PP; Cụm pitt-tông: ABS+Cao su tổng hợp; Nắp đậy: PP; đầu nối Luer Lock: PC; Ống nối: PVC; Ống hút nhanh: PE; không chứa DEHP. Vô trùng từng bộ.
10	Phần 10	Bộ bơm thuốc cân quang dùng cho máy OptiOne/ hãng Liebel - Flarsheim	Bộ	500	Xilanh 200ml dùng cho máy bơm cân quang OptiOne/ hãng Liebel - Flarsheim Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: + 1 xilanh 200ml $\pm 5\%$ + 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J + 1 dây nối áp lực cao dài $\geq 150\text{cm}$ với van một chiều có đường kính trong $\geq 1,9\text{mm}$ Xilanh và dây nối chịu được áp lực 350psi. Chất liệu: Thân xilanh: PP; Cụm pitt-tông: ABS+Cao su tổng hợp; Nắp đậy: PP; đầu nối Luer Lock: PC; Ống nối: PVC; Ống hút nhanh: PE; không chứa DEHP. Vô trùng từng bộ.

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
11	Phần 11	Bộ bơm thuốc cân quang dùng cho máy Optivantage/hãng Liebel - Flarsheim	Bộ	500	Bao gồm: - 2 xilanh dung tích 200ml ±5%; Chất liệu thân: PP; cụm pittong chất liệu nhựa ABS và cao su tổng hợp. + 1 dây nối chữ Y áp lực cao, áp lực tối đa chịu được ≥ 350psi; chiều dài ≥150cm, đường kính trong ≤2mm, có van một chiều. + 2 đầu lấy thuốc. Có đầu nối Luer Lock tương thích kết nối với máy bơm tiêm thuốc cân quang Optivantage/hãng Liebel - Flarsheim; Vô trùng từng hộp.
12	Phần 12	Bộ đầu đo huyết áp xâm lấn	Bộ	4000	Dây chính có 2 khoá 3 chạc, cảm biến, đoạn dây nối dài ≥150cm để đo áp lực tĩnh mạch trung tâm. - Cổng lấy máu không cần dùng kim. - Có đầu kết nối phù hợp với nhiều loại máy theo dõi bệnh nhân
13	Phần 13	Bộ dây thở máy dùng một lần	Cái	7000	Chất liệu nhựa y tế, Bao gồm: 2 Ống dây kèm 2 bể nước, chiều dài ≥160cm, 1 ống nối chiều dài ≥40cm; các đầu nối kín, có sẵn chạc chữ Y và đầu cắm kết nối tới ống nội khí quản.
14	Phần 14	Bộ dây thở silicon người lớn	Bộ	10	Chất liệu Silicon; Bao gồm: 4 ống dài ≥60cm, 1 ống ≥40cm, chạc chữ Y, 2 bể nước, đầu cắm kết nối tới ống nội khí quản.
15	Phần 15	Bộ dụng cụ đo PiCCO	Bộ	50	Bao gồm: Bộ phụ kiện đo cung lượng tim (Catheter và Monitoring Kit), Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ và Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt tương thích với các máy theo dõi bệnh nhân có chức năng đo PiCCO.
16	Phần 16	Bộ dụng cụ nhuộm tiêu bản thủ công	Bộ	3	Chất liệu nhựa; gồm 12 bể nhuộm có nắp, 2 giá nhuộm (cho 20-25 tiêu bản); dùng trong giải phẫu bệnh, chịu nhiệt và hóa chất.
17	Phần 17	Bộ nong cho máy điều trị nội nha Wave One	Cái	50	Bộ nong tương thích với máy điều trị nội nha Wave One
18	Phần 18	Bộ nong cho máy điều trị nội nha X-smart	Cái	50	Bộ nong tương thích với máy điều trị nội nha X-smart
19	Phần 19	Bộ nong ống tủy	Vi	200	Chất liệu thép, kháng mài mòn, rãnh cắt đều, sắc, chỉ thị màu trên cán, chịu lực uốn tốt.
20	Phần 20	Bộ quả lọc hấp phụ than hoạt tính kèm đầu nối	Bộ	20	Bộ quả hấp phụ than hoạt tính. - Chất liệu: Vỏ quả: Polypropylene Chất hấp phụ: Than hoạt phủ Cellulose - Diện tích màng hấp phụ 300.000m ²
21	Phần 21	Bộ quả lọc huyết tương cho máy MultiFiltrate	Bộ	500	Bộ quả lọc huyết tương. Tương thích với máy lọc Multifiltrate
22	Phần 22	Bộ quả lọc huyết tương cho máy MultiFiltrate Pro	Bộ	500	Gồm: - 1 quả lọc huyết tương - 1 bộ cassette - 1 dây dịch bù - 1 túi thải 10L Tương thích với máy siêu lọc MultiFiltrate Pro
23	Phần 23	Bộ quả lọc máu liên tục (Cho trẻ lớn và người lớn)	Bộ	100	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc: Acrylonitrile - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Thể tích máu trong quả lọc: ≤160 ml - Diện tích màng hiệu dụng: ≥0,8 m ² - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): <70 ml.

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
24	Phần 24	Bộ quả lọc máu liên tục loại bỏ Cytokins và nội độc tố	Bộ	500	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Thể tích máu trong quả lọc ≤ 200 ml - Diện tích màng $\geq 1,4m^2$ - Tốc độ máu từ ≤ 100 đến ≥ 450 ml/ phút
25	Phần 25	Bộ quả lọc máu thẩm tách siêu lọc liên tục cho máy MultiFiltrate Pro	Bộ	100	gồm: - 1 quả siêu lọc - 1 bộ cassette - Tương thích với máy MultiFiltrate Pro
26	Phần 26	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO	Bộ	5	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO. Tương thích với máy ECMO của hãng TERUMO.
27	Phần 27	Bộ tim phổi nhân tạo tích hợp pin lọc động mạch và bão khí	Bộ	100	Bộ tim phổi nhân tạo cho máy tuần hoàn ngoài cơ thể, bó sợi từng lớp, tích hợp pin lọc động mạch và bão khí, phù hợp cho các hạng cân của người lớn và trẻ em $>10kg$. Tương thích với máy System One/Terumo.
28	Phần 28	Bóng đối xung động mạch chủ	Cái	10	Tương thích với máy bơm bóng đối xung Maquet
29	Phần 29	Buồng đếm tế bào máu	Cái	12	Chất liệu: kính trong, hình chữ nhật, thiết kế làm 3 phần, - Ở giữa là phần lõm phẳng, chia làm 2 khoảng nhỏ. Trên mỗi khoảng có kẻ lưới đếm gồm ≥ 400 ô nhỏ.
30	Phần 30	Cảm biến đo cung lượng tim kèm dây nối	Cái	10	Đầu đo cung lượng tim với dây nối dài $\geq 150cm$, tối thiểu đo được các chỉ số: CCO, CCI, SV, SVI, SVV, SVR. - Đóng gói tiệt trùng.
31	Phần 31	Cảm biến đo đường huyết liên tục	Cái	100	Phạm vi chỉ số đường huyết ít nhất trong khoảng (40mg/dL - 500 mg/dL) - Thời gian sử dụng cảm biến ≥ 14 ngày - Cấu tạo chống nước.
32	Phần 32	Canuyn động mạch cho bộ tim phổi nhân tạo	Cái	5	Canuyn động mạch cho bộ tim phổi nhân tạo ECMO. - Tráng chất chống đông giảm tiêu cầu, biến tính protein huyết tương. - Tương thích máy bộ tim phổi nhân tạo ECMO.
33	Phần 33	Canuyn tĩnh mạch cho bộ tim phổi nhân tạo	Cái	5	Canuyn tĩnh mạch cho bộ tim phổi nhân tạo ECMO. - Tráng chất chống đông giảm tiêu cầu, biến tính protein huyết tương. - Tương thích máy bộ tim phổi nhân tạo ECMO.
34	Phần 34	Cassete quét phim nha khoa	Cái	4	Cassete máy quét phim nha khoa tương thích với máy quét phim CS7200
35	Phần 35	Cassete chuyển mô bệnh phẩm	Cái	20000	Dùng cho chuyển bệnh phẩm trong giải phẫu bệnh; Chất liệu nhựa, chịu nhiệt và hóa chất
36	Phần 36	Cassete hoá chất chạy máy Plaz MaxTuttunaer	Cái	50	Thành phần: Hydrogen Peroxide $\geq 50\%$ Tương thích với máy tiệt khuẩn plasma Plaz MaxTuttunaer
37	Phần 37	Cassete hoá chất chạy máy Sterrad 100S	Cái	25	Thành phần: Hydrogen Peroxide $\geq 50\%$ Tương thích với máy tiệt khuẩn Sterrad 100S.
38	Phần 38	Catheter đôi cho lọc máu liên tục	Bộ	550	Catheter loại đầu thẳng, 2 nòng; Chiều dài: từ 16cm - 20cm - Dây dẫn hướng (Guide wire): đường kính ≤ 0.04 inch, dài $\geq 70cm$. - Que nong: $\geq 15cm$; - Chất liệu: + Catheter: Polyurethane có cán xạ + Dây dẫn; kim luồn: Thép không gỉ - Đóng gói bao gồm: 1 Catheter; 1 dây dẫn hướng chất liệu Nitinol đầu cong chữ J; 2 ống nong giãn nở; 1 lưới dao mổ; 2 nắp đậy vô khuẩn; 2 kim dẫn đường 18G loại thẳng và chữ Y; 1 ống tiêm 5ml; 1 kim tiêm nhỏ;

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
39	Phần 39	Catheter đường hầm	Cái	10	Catheter đường hầm lọc máu dùng lâu dài, hai nòng, chất liệu polyurethane; - Thiết kế thân thẳng và cong, tốc độ lưu thông 400ml/phút. - Bộ phận đi kèm: 1 Cartheter, 1 Kim; 1 Dây dẫn đường đầu chữ J; 2 Que nong; 1 Dao; 1 Đường hầm; 1 Van siêu âm dẫn đường; 2 nút đẩy catheter; - Tiệt khuẩn
40	Phần 40	Chai khí EO	Chai	800	Chất liệu: - Bình khí chứa 100% EO, trọng lượng ≥ 170 gram. - Bình đơn liều. - Tương thích máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Steri-Vac/hãng 3M.
41	Phần 41	Châm gai nha khoa	Vì	100	Lượng gai trên thân trâm đều, dày, bền trong điều trị và dễ lấy sợi tủy
42	Phần 42	Chén đựng mẫu sạch kèm que	Hộp	5	Dùng cho máy xét nghiệm đông máu ROTEM-DELTA 1 hộp: ≥ 20 chén
43	Phần 43	Chỉ thị hóa học đa thông số kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước	Cái	100000	Xác định được các thông số tối thiểu của 2 trong 3 thông số: thời gian - nhiệt độ - hơi nước cho hấp ướt 121 đến 134 độ
44	Phần 44	Chỉ thị hóa học đa thông số kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước có chứa Salicylamide	Cái	90000	Xác định được các thông số tối thiểu về: thời gian - nhiệt độ - hơi nước trong quy trình tiệt khuẩn của máy tiệt khuẩn hơi nước ở nhiệt độ từ 121 độ C đến 134 độ C; có lớp màng film ngăn thấm mực, không chứa chì. Thành phần chứa Salicylamide 2-3%. - Kết quả duy trì ít nhất 6 tháng.
45	Phần 45	Chỉ thị sinh học cho máy tiệt khuẩn bằng khí E.O	Cái	800	Chỉ thị sinh học cho máy tiệt khuẩn bằng khí E.O. Chỉ thị tiếp xúc trên thân chuyển từ Nâu đỏ sang Xanh lá sau tiệt khuẩn. Chứa Bào tử Bacillus Atrophaeus. Tương thích máy đọc 3MTM AutoReader 390G
46	Phần 46	Chỉ thị sinh học cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ cao	Cái	2000	Chỉ thị tiếp xúc đĩnh nắp chuyển từ hồng sang nâu. Chứa bào tử Geobacillus Sterothermophilus. Tương thích máy đọc Tuttnauer WTL198-0057 Đọc kết quả trong 24 phút $\pm 10\%$.
47	Phần 47	Chỉ thị sinh học cho máy tiệt khuẩn Plasma	Cái	800	Dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn cho cả mẻ hấp nhiệt độ thấp plasma. - Tối thiểu chạy được 2 chương trình: cho kết quả sau 20phút và cho kết quả sau 60 phút. - Thành phần: có chứa Bào tử Geobacillus Stearothermophilus - Tương thích với máy WTL198-0057 Tuttnauer của Bệnh viện.
48	Phần 48	Cốc nhuộm tiêu bản dạng đứng 5 vị trí	Cái	20	Chất liệu thủy tinh có nắp, chịu nhiệt và hóa chất; có 5 vị trí giữ tiêu bản
49	Phần 49	Cóng đo dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hộp	300	Cóng phản ứng dùng trên hệ thống xét nghiệm đông máu tự động. Dạng nhựa rắn 4 công liền khối trên một thanh. 1 hộp: ≥ 600 thanh.
50	Phần 50	Cóng phản ứng	Hộp	20	Cóng phản ứng Dạng 1 công rời. 1 hộp: ≥ 1400 cái
51	Phần 51	Dài 8 ống PCR 0.1ml	Cái	8000	Chất liệu nhựa trong suốt, không chứa DNase và RNase; nắp phẳng, dung tích từng ống 0.1ml $\pm 10\%$. Dây 8 ống liền, kèm nắp đẩy, nắp phẳng, trong, nắp gắn liền theo từng ống.
52	Phần 52	Dài 8 ống PCR 0.2ml	Cái	8000	Chất liệu nhựa trong suốt, không chứa DNase và RNase; nắp phẳng, dung tích từng ống 0.2ml $\pm 10\%$. Dây 8 ống liền, kèm nắp đẩy, nắp phẳng, trong, nắp gắn liền theo từng ống.
53	Phần 53	Dao cắt hàn dây túi máu vô trùng	Cái	1000	Sử dụng cắt hàn dây túi máu, tương thích với máy hàn dây túi máu TSCD-II/Terumo
54	Phần 54	Dao cắt tiêu bản	Cái	2000	Dùng trong cắt mô bệnh phẩm đã đúc nên, cắt lạnh. - Vật liệu: thép không rỉ - Độ dài: ≥ 80 mm - Chiều cao: ≥ 8 mm - Độ dày: ≥ 0.25 mm - Góc nghiêng: $35^\circ \pm 10\%$ Tương thích nhiều loại máy cắt vi phẫu.

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
55	Phần 55	Dầu bảo dưỡng dụng cụ y tế	Chai	20	Dầu dạng xịt, dung tích ≥ 300 ml; - Không gây kích ứng da, cho hơi nước thấm qua, đạt tiêu chuẩn y tế.
56	Phần 56	Đầu côn 0,1 μ l -10 μ l có phin lọc kép	Cái	48000	Chất liệu: nhựa y tế; không DNase và RNase. Thể tích tối đa: 10 μ l có gắn màng lọc kép; Vô trùng. Đầu côn không dính dung dịch. Phù hợp với pipet Eppendorf
57	Phần 57	Đầu côn 1000 μ l	Cái	100000	Loại không có lọc. Chất liệu: nhựa PP không chứa kim loại, không chứa DNase và RNase. Thành trong đầu col không dính dung dịch. Có vạch chia thể tích, thể tích hút 1000 μ l $\pm 10\%$. Tương thích nhiều loại pipet.
58	Phần 58	Đầu côn 200 μ l	Cái	200000	Loại không có lọc. Chất liệu: nhựa PP không chứa kim loại, không chứa DNase và RNase. Thành trong đầu col không dính dung dịch. Có vạch chia thể tích, thể tích hút 200 μ l $\pm 10\%$. Tương thích nhiều loại pipet.
59	Phần 59	Đầu côn 2 μ l -200 μ l có phin lọc kép	Cái	28800	Chất liệu nhựa y tế, không chứa DNase và RNase. Thể tích tối đa: 200 μ l có gắn màng lọc kép; Vô trùng. Thành trong đầu côn không dính dung dịch. Phù hợp với pipet Eppendorf
60	Phần 60	Đầu côn 50 μ l -1000 μ l phin lọc kép	Cái	28800	Chất liệu nhựa y tế, không chứa DNase và RNase. Thể tích tối đa: 1000 μ l có gắn màng lọc kép; Vô trùng. Thành trong đầu côn không dính dung dịch. Phù hợp với pipet Eppendorf
61	Phần 61	Đầu côn Carbon 1100 μ l	Cái	1920	Thể tích: 1100 μ l $\pm 10\%$ Tương thích máy xét nghiệm Elisa ETIMAX 3000
62	Phần 62	Đầu côn Carbon 300 μ l	Cái	3000	Thể tích: 330 μ l $\pm 10\%$ Tương thích máy xét nghiệm Elisa ETIMAX 3000
63	Phần 63	Đầu côn cho máy xét nghiệm đông máu	Hộp	10	Dùng cho máy xét nghiệm đông máu ROTEM-DELTA 1 hộp: ≥ 960 đầu côn
64	Phần 64	Đầu côn có lọc 10 μ l	Cái	20000	Chất liệu nhựa PP, không chứa DNase và RNase, Có phin lọc; Phù hợp với pipet Eppendorf. Vô trùng
65	Phần 65	Dây bơm thuốc cân quang	Cái	3000	Dây bơm dùng cho máy bơm tiêm cân quang, dài ≥ 150 cm; áp lực tối đa ≥ 350 psi. Vô khuẩn đơn chiếc.
66	Phần 66	Dây dẫn máu cho máy thận nhân tạo HDF Online 5008S	Cái	100	Gồm dây động mạch; dây tĩnh mạch; Có kẹp bảo vệ đầu ra và có 02 lọc khí Transducer Protector. Tương thích với máy HDF Online 5008S/ hãng Fresenius.
67	Phần 67	Dây dẫn máu cho máy thận nhân tạo HDF Online Dialog	Cái	100	Gồm dây động mạch; dây tĩnh mạch; Có kẹp bảo vệ đầu ra và có 02 lọc khí Transducer Protector. Tương thích với máy HDF Online Dialog/ hãng Bbraun
68	Phần 68	Dây dẫn máu dùng cho phôi nhân tạo	Cái	100	Chất liệu: nhựa y tế. Dùng cho tuần hoàn ngoài cơ thể. Vô trùng. Tương thích với máy System One/Terumo.
69	Phần 69	Dây dẫn máu thận nhân tạo	Bộ	7000	Bao gồm 2 trong 1: Dây động mạch, và dây tĩnh mạch - Dây bơm: chiều dài ≥ 400 mm; - Chất liệu PVC mềm, chống xoắn. - Bầu nhỏ giọt: đường kính trong khoảng 19mm đến 30mm, chiều dài bầu đếm ≥ 130 mm có màng lọc. - Đường kính ống dây chính cho dây động mạch: 4.5mmx6.8mmx800mm - Đường kính ống dây chính cho dây tĩnh mạch: 4.5mmx6.8mmx400mm - Thể tích mỗi: ≤ 163 ml. - Tiệt trùng bằng khí EO.
70	Phần 70	Dây đốt cao tần đơn cực tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz	Cái	30	Dài: ≥ 300 cm tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz
71	Phần 71	Dây đốt cao tần lưỡng cực tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz	Cái	30	Dài: ≥ 300 cm Khoảng cách giữa 2 chân cắm: 28mm \pm 1mm tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz
72	Phần 72	Dây hút silicon 1.8m cho máy hút dịch	Cái	30000	Chất liệu silicon mềm, kết nối được với máy hút dịch và dây hút dịch có lỗ kiểm soát, khi sử dụng không bị bẹp. Vô trùng. Kích thước dài $\geq 1,8$ m
73	Phần 73	Đệm bọc điện cực máy điện phân (8cm x12cm)	Cái	400	Đệm phủ ngoài phần điện cực cao su chì của máy điện phân - Mềm, thấm nước nhanh. - Kích thước: $\geq (8\text{cm} \times 12\text{cm})$

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
74	Phần 74	Đệm bọc điện cực máy điện xung (6cm x8cm)	Cái	800	Đệm phủ ngoài phần điện cực cao su chì của máy điện xung - Mềm, thấm nước nhanh. - Kích thước: $\geq(6\text{cm} \times 8\text{cm})$
75	Phần 75	Đĩa DVD	Cái	2000	Đĩa DVD trắng. Tương đương Kachi-Nhật
76	Phần 76	Điện cực dán	Cái	100000	Miếng dán dạng FOAM, mềm, dễ sử dụng, không gây tổn thương da cho bệnh nhân. Gel tiếp xúc: Vật liệu Aquatic
77	Phần 77	Điện cực dán đo dẫn truyền	Bộ	200	Gồm 2 điện cực dán đo dẫn truyền, phân biệt màu, có thành phần Ag/AgCl, đầu kết nối 1.5mm \pm 10%, diện tích tiếp xúc (20mmx25mm) \pm 10%, dài: $\geq 1\text{m}$. Tương thích với máy điện cơ hãng Natus.
78	Phần 78	Điện cực đất loại dán	Cái	100	Điện cực đất loại dán Ag/AgCl đầu kết nối 1.5mm \pm 10%, diện tích tiếp xúc 40x50mm \pm 10%, dài $\geq 1\text{m}$. Tương thích với máy điện cơ hãng Natus.
79	Phần 79	Điện cực đĩa cho máy điện cơ, điện não	Cái	50	Dây điện cực điện não dạng cốc, sử dụng không bị rối, bằng vàng, đầu điện cực đúc bằng nhựa, đầu kết nối 1.5mm \pm 10%, có 6 màu dây, mỗi màu 2 dây, dài $\geq 1\text{m}$ 1.5m
80	Phần 80	Gel bôi trơn	Tuýp	150	Gel bôi trơn gốc nước, không nhờn. Trọng lượng 1 tuýp $\geq 150\text{g}$
81	Phần 81	Gel dẫn truyền điện não, điện cơ	Tuýp	20	Gel dẫn truyền dùng cho các máy điện não, điện cơ, làm giảm điện trở kháng da; có thể rửa và dễ dàng làm sạch
82	Phần 82	Gel siêu âm	Can	300	Có tính chất dẫn điện cao, - Không gây hại đầu dò. - Không có Formaldehyde. - Can thể tích $\geq 5\text{L}$
83	Phần 83	Giá để đầu cân 1000 μl	Cái	10	Hộp nhựa có nắp, tương thích với đầu cân loại 1000 μl , số vị trí ≥ 95 vị trí.
84	Phần 84	Giá để đầu cân 200 μl	Cái	20	Hộp nhựa có nắp, tương thích với đầu cân loại 200 μl , số vị trí ≥ 95 vị trí.
85	Phần 85	Giá giữ lạnh 30 vị trí	Cái	25	Số vị trí: ≥ 30 vị trí - Có thể giữ ở nhiệt độ 0°C lên đến 6h và - 21°C lên đến 3h - Chuyên dùng cho giữ lạnh ống 1,5ml - 2ml trong sinh học phân tử.
86	Phần 86	Giá giữ lạnh ống PCR 96 vị trí	Cái	10	Chất liệu: nhựa Dùng cho ống PCR 0,2ml; 96 vị trí. Có thể bảo quản ở 0°C trong vòng ≥ 4 giờ.
87	Phần 87	Giá giữ ống ly tâm 80 vị trí	Cái	10	Giá đựng ống ly tâm ≥ 80 vị trí. Chất liệu: Nhựa PP, dùng cho ống ly tâm 1,5ml và 2,0ml.
88	Phần 88	Giá giữ ống PCR 96 vị trí	Cái	10	Giá để ống PCR 0,2ml tiệt trùng, Số vị trí: ≥ 96 vị trí; Chất liệu: nhựa.
89	Phần 89	Giấy điện tim 3 cần cho máy Nihonkohden	Cuộn	700	Tương thích với máy điện tim 3 cần cho máy Nihonkohden
90	Phần 90	Giấy điện tim 6 cần	Tập	4000	Tương thích máy điện tim 6 cần Nihonkonden.
91	Phần 91	Giấy đo pH	Hộp	20	Dải đo pH 0-14, mỗi hộp chứa ≥ 100 que thử.
92	Phần 92	Giấy gói đĩa thạch nuôi cấy vi khuẩn	Tờ	500	Kích thước (72x102cm) \pm 10%, chất liệu giấy dai, ít thấm nước.
93	Phần 93	Giấy in ảnh cho máy in ảnh đen trắng Sony	Tập	5000	Giấy in được nhiều chế độ khác nhau như in bóng, in mờ hay in mịn. Giấy in có độ bền cao, chịu tác dụng của môi trường như nhiệt độ, độ ẩm và các tác nhân hóa học
94	Phần 94	Giấy in ảnh màu kèm mực Canon	Hộp	500	Tương thích máy in màu CANON SELPHY CP 1300
95	Phần 95	Giấy in cho máy đo thính lực	Cuộn	10	Giấy in kết quả đo thính lực. Tương thích với máy đo thính lực Otoport lite TE
96	Phần 96	Giấy in cho máy Monitor Nihonkohden	Cuộn	10	Dùng cho máy theo dõi bệnh nhân BSM-3562K/ hãng Nihonkohden
97	Phần 97	Giấy in cho máy Monitor sản khoa	Tập	50	Tương thích với Monitor sản khoa MT-516 Nhật
98	Phần 98	Giấy in kết quả siêu âm màu Sony UP-25MD	Hộp	50	Tương thích với máy in UP-25MD/ Hãng Sony, 1 hộp có tối thiểu 24 tờ.
99	Phần 99	Giấy in nhiệt	Cuộn	1000	Giấy in nhiệt kích thước 50mm \pm 10%, dài $\geq 30\text{m}$.
100	Phần 100	Giấy lau gel siêu âm	Gói	30000	Chất liệu mềm xốp, dai, thấm nước, dễ lau chùi. Kích thước (15cm x 15cm) \pm 10%. Số tờ trong 1 gói ≥ 100 tờ.
101	Phần 101	Giấy lau không bụi	Hộp	70	Giấy không để lại bụi sau khi lau. Dạng hộp giấy rút

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
102	Phần 102	Giấy lau kính hiển vi	Tập	110	Kích thước (10cm x 15cm)±10%. Giấy không xơ, bụi. Dạng tập, sử dụng từng tờ. Quy cách ≥100 tờ/1 tập
103	Phần 103	Giấy thấm	Tờ	150	Giấy trắng, thấm hút tốt, tốc độ thấm nhanh, có thể sử dụng với các dạng chất lỏng
104	Phần 104	Gioăng cao su quả khế cỡ 11 tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz	Cái	30	Gioăng cao su quả khế cỡ 11 tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz
105	Phần 105	Gioăng cao su quả khế cỡ 6 tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz	Cái	30	Gioăng cao su quả khế cỡ 6 tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz
106	Phần 106	Gioăng cao su trocar 11 tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz	Cái	30	Gioăng cao su trocar 11 tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz
107	Phần 107	Gioăng cao su trocar cỡ 6 tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz	Cái	30	Gioăng cao su trocar cỡ 6 tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz
108	Phần 108	Gọng mũi cho máy oxi dòng cao NF5	Cái	20	Tương thích với máy HFNC NF5
109	Phần 109	Hộp đựng bệnh phẩm	Cái	100000	Lọ nhựa trong, có nắp xoáy, miệng rộng. Kích thước: Miệng đường kính 60mm±5% x cao 35mm±5%, tiết trùng từng cái
110	Phần 110	Hộp đựng lam kính chứa tiêu bản 100 vị trí	Hộp	300	Chất liệu nhựa, có nắp; Chứa được ≥100 tiêu bản
111	Phần 111	Hộp đựng lam kính chứa tiêu bản 25 vị trí	Cái	20	Chất liệu nhựa, có nắp; Chứa được ≥25 tiêu bản
112	Phần 112	Hộp đựng lam kính chứa tiêu bản 5 vị trí	Cái	100	Chất liệu nhựa, có nắp; Chứa được ≥5 tiêu bản
113	Phần 113	Hộp đựng ống Cryo	Cái	200	Hộp có thể đựng ống Cryo dung tích tối đa 2ml. - Hộp ≥100 vị trí, chất liệu nhựa PP. Chịu được nhiệt độ lạnh tới -800C, nhiệt độ nóng tới 120°C.
114	Phần 114	Hộp lồng Petri nhựa	Cái	24000	Đường kính 90mm ±10%, đóng gói vô trùng, nắp và đáy khí.
115	Phần 115	Hộp lồng Petri nhựa vô trùng, chia 2 ngăn	Cái	10000	Đường kính 90mm ±10%, chia 2 ngăn, đóng gói vô trùng, nắp và đáy khí.
116	Phần 116	Hộp lồng Petri nhựa vô trùng, chia 3 ngăn	Cái	7000	Đường kính 90mm ±10%, chia 3 ngăn, đóng gói vô trùng, nắp và đáy khí.
117	Phần 117	Khay miễn dịch bằng nhựa	Cái	250	Đĩa ≥96 giếng đáy chữ U, polystyrene, không chứa kim loại nặng, thể tích giếng 323ul, dùng cho các xét nghiệm chẩn đoán Giang mai
118	Phần 118	Khay nhuộm hóa mô miễn dịch	Cái	2	Chất liệu nhựa có nắp đậy; chuyên dùng cho nhuộm hóa mô miễn dịch thủ công; nhuộm đồng thời từ 10 đến 30 tiêu bản
119	Phần 119	Kim chạy thận nhân tạo	Cái	70000	Loại kim có cánh bướm dùng cho lọc máu. Cánh có thể xoay hoặc cố định (tùy lựa chọn) Mặt sau có lỗ Backeye Các số. Vô trùng
120	Phần 120	Kim chọc tủy sử dụng 1 lần	Cái	300	Đầu kim được thiết kế dạng kim chọc hút mô mềm Chất liệu thép không gỉ Các cỡ. Vô trùng
121	Phần 121	Kim điện cơ đồng tâm	Cái	200	Dài 37mm, đường kính 26G(0.46mm)±10%, diện tích ghi 0.07mm ² ±10%. Kim phủ Silicone, 3 đầu nhọn. Lõi vonfram cách điện. Tương thích với các máy điện cơ
122	Phần 122	Kim Ientulo	Cái	50	Sử dụng trong điều trị nha khoa có chuỗi dùng để mở rộng khe tủy
123	Phần 123	Kim tiêm nha khoa	Hộp	50	Sử dụng trong điều trị nha khoa Cỡ kim: 27G - Chiều dài kim: 21mm±10%
124	Phần 124	Lam kính nhám đầu	Cái	100000	Chất liệu: thủy tinh; một đầu mài nhám, viết lên dễ dàng, bề mặt nhẵn sạch. Kích thước: (2.4mm x76mm) ±10%.
125	Phần 125	Lamen (22mm x22mm)	Cái	25000	Chiều liệu: thủy tinh trong suốt Kích thước: (22mm x22mm)±10% Độ dày: Các số.

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
126	Phần 126	Lamen (22mm x40mm)	Cái	25000	Chiều liệu: thủy tinh trong suốt Kích thước: (22mm x40mm)±10% Độ dày: Các số.
127	Phần 127	Lamen (24mm x50mm)	Cái	10000	Chiều liệu: thủy tinh trong suốt Kích thước: (24x50mm)±10% Độ dày: Các số.
128	Phần 128	Lọ đựng bệnh phẩm phân	Cái	1000	Dung tích 40ml±10%, có nắp xoáy, vô trùng, đóng gói từng lọ riêng biệt, có thìa
129	Phần 129	Lọ đựng nước tiểu có nắp xoáy	Cái	3500	Dung tích ≥40ml, có nắp xoáy, vô trùng, đóng gói từng lọ riêng biệt
130	Phần 130	Máng đựng hóa chất	Cái	600	Chất liệu: Nhựa PS, Màu sắc: Trắng, Đáy: Vát chữ V, 2 ngăn, Vô trùng
131	Phần 131	Màng lọc Syringe 0.45µm	Cái	100	Đóng gói 1 cái/1 túi, đã tiệt trùng, kích thước màng lọc 0,45 µm±10%
132	Phần 132	Mặt nạ cố định đầu	Cái	50	Sử dụng cố định đầu cổ bệnh nhân xạ trị. Mặt nạ khung chữ E, 3 điểm cố định. Vật liệu polyme, không dính, đàn hồi, không cản tia, không gây kích ứng cho da, có thể phân hủy sinh học. Phù hợp dụng cụ cố định bệnh nhân Head STEP của Bệnh viện.
133	Phần 133	Mặt nạ cố định đầu - vai	Cái	130	Mặt nạ khung chữ E, 5 điểm cố định, sử dụng cố định đầu cổ bệnh nhân xạ trị, phù hợp dụng cụ cố định Head STEP gắn theo bản iBEAM evo của Elekta. Vật liệu polyme, không dính, đàn hồi, không cản tia, không gây kích ứng cho da, có thể phân hủy sinh học.
134	Phần 134	Miếng dán sóc điện dùng cho người lớn	Cái	2	Miếng dán mặt trước: Hình dạng: chữ nhật Kích thước: (17,5cmx12,5cm)±10% Miếng dán mặt sau: Hình dạng: chữ nhật Kích thước: (18,8cmx12,5cm)±10% Sử dụng được cho máy Monitor kèm sóc Zoll
135	Phần 135	Mực in mã vạch	Cuộn	100	Tương thích với máy in Zebra ZT230; S4M-Zebra Mực in bám dính tốt trên giấy in mã vạch
136	Phần 136	Mũi khoan cắt xương nha khoa	Cái	300	Rãnh cắt răng cưa, thân mũi khoan dài, chất liệu thép tốt, tăng tính chịu lực và khả năng cắt
137	Phần 137	Mũi khoan kim cương nha khoa nhanh	Cái	1000	Dùng để mài răng. Loại mũi khoan kim cương Các cỡ, các hình dạng Độ cứng cao
138	Phần 138	Ống Cryo	Cái	10000	Cryotube 2 ml±10%, nắp xoáy, chịu lạnh âm sâu (≤âm 80 độ C)
139	Phần 139	Ống đựng nước tiểu nhựa có nắp, có nhãn và vạch kẻ	Cái	150000	Chất liệu nhựa y tế Dung tích ≥10ml Có dán nhãn và vạch kẻ, đáy hình nón. Có nắp vặn.
140	Phần 140	Ống ly tâm 0.5ml	Cái	45	Chất liệu: Nhựa, đáy nhọn, có vạch chia thể tích. Thể tích 0.5ml Vô trùng, có nắp, Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố
141	Phần 141	Ống ly tâm 1.5ml	Cái	20000	Chất liệu: Nhựa, đáy nhọn, có vạch chia thể tích. Thể tích 1.5ml Vô trùng, có nắp, Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố
142	Phần 142	Ống ly tâm 2ml	Cái	20000	Chất liệu: Nhựa, đáy nhọn, có vạch chia thể tích. Thể tích 2ml±10% Vô trùng, có nắp, Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố
143	Phần 143	Ống ly tâm 5ml	Cái	1000	Vật liệu nhựa, vô trùng, chịu được nhiệt độ từ âm (≤âm 80 độ C) Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố
144	Phần 144	Ống ly tâm nhựa 15ml	Cái	500	Ống có nắp xoáy vô trùng, Thể tích 15ml±10% Nhựa PP đáy nhọn, Có vạch chia thể tích Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố
145	Phần 145	Ống ly tâm nhựa 50ml	Cái	1000	Ống có nắp xoáy vô trùng, Thể tích 50ml±10% Nhựa PP đáy nhọn, Có vạch chia thể tích Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố
146	Phần 146	Ống máu lắng cho máy ESR3000	Cái	2000	Ống máu lắng Đường kính: 12mm±10%, cao 75mm±10% Tương thích với máy ESR3000

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
147	Phần 147	Ống nghiệm chống đông citrate 3.2% nắp nhựa	Cái	80000	Nguyên liệu: nhựa PET Phụ gia: Natri Citrat 3,2% Dung tích: 2mm±10% Nắp nhựa.
148	Phần 148	Ống nghiệm EDTA chống đông nắp cao su	Cái	400000	Chất liệu: nhựa, kích thước đường kính 12mm±10%, cao 75mm±10%, nắp cao su. Có vạch đánh dấu tới 5ml. Ống chứa EDTA để chống đông. Có nhãn.
149	Phần 149	Ống nghiệm EDTA chống đông nắp nhựa	Cái	250000	Chất liệu: nhựa, kích thước đường kính 12mm±10%, cao 75mm±10%, nắp nhựa. Có vạch đánh dấu 5ml. Ống chứa EDTA để chống đông. Có nhãn.
150	Phần 150	Ống nghiệm Lithium Heparin chống đông nút nhựa	Cái	1000000	Ống nghiệm Lithium Heparin, nắp nhựa Có vạch đánh dấu 5ml Thân ống nhựa, chiều dài 75 mm±10%. đường kính ngoài 12 mm±10% Nồng độ Lithium Heparin: 10 IU/mL±10% máu, Kèm giá xốp để ống.
151	Phần 151	Ống nghiệm nhựa có nắp xoáy 5ml	Cái	5000	Có nắp xoáy, thể tích 5ml, vô trùng, đóng túi riêng từng ống
152	Phần 152	Ống nghiệm nhựa không nắp	Cái	150000	Kích thước đường kính 12mm±10%, cao 75mm±10%. Nhựa PS trắng trong, không nắp
153	Phần 153	Ống nghiệm tách huyết thanh	Cái	2400	Chất liệu: nhựa y tế. Kích thước: (12mmx75mm) ±10%. Có chứa các hạt làm gia tăng sự đông máu giúp tách huyết thanh (serum) nhanh.
154	Phần 154	Ống nghiệm thủy tinh các loại	Cái	1000	(Kích thước: (115mmx12mm±5%; (140x14mm)±10% Chịu được nhiệt hấp sấy ở 170 độ C±10% trong 60 phút
155	Phần 155	Ống nhựa chuẩn bị mẫu	Túi	40	Ống nhựa tối màu; kích thước (12mm x 75 mm)±10%. 1 túi ≥ 250 ống Tương thích với máy đếm tế bào dòng chảy FC500
156	Phần 156	Ống PCR nắp phẳng 0.2ml	Cái	2000	Màu trắng, nắp phẳng, 0.2ml Dnase/Rnase Free Có thể hấp diệt trùng.
157	Phần 157	Ống thổi có phin lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp Carefusion	Cái	1500	Ống thổi hình oval. Thể tích phin lọc: 55L± 5%. Độ dày lớp vật liệu: 3.0mm± 5%. Đường kính lớp lọc: 80mm ± 5%. Hiệu suất lọc ≥99% Tương thích máy đo chức năng hô hấp Carefusion
158	Phần 158	Phim khô 10x12" (tương thích với máy in phim AGFA)	Hộp	1200	Kích thước: 10x12 inch 1 hộp ≥ 100 tờ phim Tương thích với máy in phim Drystar 5302 của Hãng AGFA
159	Phần 159	Phim khô 10x12" (tương thích với máy in phim Konica)	Hộp	800	Kích thước: 10x12 inch Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%. 1 hộp: ≥ 125 tờ Tương thích máy in phim khô laser Konica.
160	Phần 160	Phim khô 14x17" (tương thích với máy in phim AGFA)	Hộp	1200	Kích thước: 14x17 inch 1 hộp ≥ 100 tờ phim Tương thích với máy in phim Drystar 5302 của Hãng AGFA
161	Phần 161	Phim khô 8x10" (tương thích với máy in phim AGFA)	Hộp	300	Kích thước: 8x10 inch 1 hộp ≥ 100 tờ phim Tương thích với máy in phim Drystar 5302 của Hãng AGFA
162	Phần 162	Phim khô 8x10" (tương thích với máy in phim Konica)	Hộp	300	Kích thước: 8x10 inch Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%. 1 hộp: ≥ 125 tờ Tương thích máy in phim khô laser Konica.
163	Phần 163	Phim khô 10x12" (cho máy in phim TRIMAX TX55)	Hộp	1600	Phim khô, kích thước 10x12", sử dụng cho máy in phim TRIMAX TX55
164	Phần 164	Phim khô 14x17" (cho máy in phim TRIMAX TX55)	Hộp	1500	Phim khô, kích thước 14x17", sử dụng cho máy in phim TRIMAX TX55

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
165	Phần 165	Phim khô 8x10" (cho máy in phim TRIMAX TX55)	Hộp	300	Phim khô, kích thước 8x10", sử dụng cho máy in phim TRIMAX TX55
166	Phần 166	Phin lọc bạch cầu truyền hồng cầu	Cái	800	Vỏ ngoài làm bằng chất liệu: PolyCarbonate. - Chất liệu màng lọc: Polyurethane. - Kiểu màng lọc: MicroPorous. - Thể tích mỗi máu: 38ml - Có van thông khí lọc khuẩn để đuổi khí nhanh. - Loại bỏ được 99,9% bạch cầu - Số đếm lọc bạch cầu 2×10^5 - Chất liệu dây: PVC - Tiết trùng bằng khí và đóng gói riêng biệt.
167	Phần 167	Phin lọc khuẩn cho máy thở có cổng đo CO2	Cái	15000	Vỏ hình tròn, vỏ trùng từng chiếc. - Hiệu quả lọc vi khuẩn, lọc vi rút $\geq 99\%$ - Có cổng lấy mẫu đo CO2 có nắp đậy. - Hiệu suất tạo ẩm $\geq 38\text{mgH}_2\text{O/L}$. - Sức cản hơi thở: + Với lưu lượng 30 L/phút: $\leq 9.5\text{mm H}_2\text{O}$; + Với lưu lượng 60 L/phút: $\leq 24\text{mm H}_2\text{O}$; + Với lưu lượng 90 L/phút: $\leq 42\text{mm H}_2\text{O}$. - Kết nối phù hợp các dây thở
168	Phần 168	Pin AA	Đôi	1000	Pin AA; số lượng: 2 pin; Điện thế của 1 pin: 1.5V
169	Phần 169	Pin AAA	Đôi	1000	Pin AAA; số lượng: 2 pin; Điện thế của 1 pin: 1.5V
170	Phần 170	Pin trung	Đôi	350	Pin trung; số lượng: 2 pin; Điện thế của 1 pin: 1.5V;
171	Phần 171	Pipet nhựa 3ml	Cái	1000	Chất liệu: nhựa y tế, dung tích hút tối đa 3ml, chiều dài ≥ 150 mm, có vạch chia.
172	Phần 172	Pipet nhựa 5ml	Cái	5000	Chất liệu: nhựa y tế, dung tích hút tối đa 5ml, chiều dài ≥ 210 mm, có vạch chia.
173	Phần 173	Pipet thủy tinh 20ml	Cái	3600	Chất liệu: Thủy tinh, dung tích tối đa 20ml, chiều dài ≥ 150 mm, có vạch chia.
174	Phần 174	Quả lọc hấp phụ kèm dây nối	Quả	10	Bao gồm quả lọc hấp phụ kèm dây nối quả lọc hấp phụ máu và quả lọc thường. + Quả lọc: Vỏ được làm bằng vật liệu Polycarbonate; vật liệu hấp phụ: là các hạt Resin, có tính tương thích và an toàn sinh học. Dung tích hấp phụ $\geq 130\text{ml}$. Dung tích khoang máu: $\geq 100\text{ml}$. Diện tích hấp phụ: $\geq 52.000\text{m}^2$. Nội trở $\leq 4\text{kPa}$. Lưu lượng máu tối đa $\geq 250\text{ml/phút}$. Áp suất chịu đựng tối đa $\geq 100\text{kPa}$. Độ chịu lực của hạt Resin: $\geq 8,0\text{N}$. Dải hấp phụ từ 5kDa-30kDa. Quả lọc đã được khử trùng. Đóng gói vô trùng đơn chiếc. + Dây nối: làm bằng chất liệu nhựa PVC y tế, không Latex, độ dài ≥ 800 mm. Đóng gói vô trùng đơn chiếc.
175	Phần 175	Quả lọc máu dùng cho máy tuần hoàn ngoài cơ thể	Quả	100	Cấu tạo bởi màng polyethersulfone; - Diện tích bề mặt: $\geq 1,4\text{m}^2$ - Thể tích dịch mỗi: $\geq 85\text{ml}$ - Áp lực tối đa: $\geq 600\text{mmHg}$ - Bộ lọc cô đọng máu có khả năng lọc Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. - Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải - Tốc độ lọc: $\geq 60\text{ ml/h/mmHg}$ - Quả lọc kèm dây dẫn, túi đựng chất thải
176	Phần 176	Quả lọc nước siêu sạch cho máy Dialog+/ hãng Bbraun	Quả	60	Quả lọc nước siêu sạch Tương thích với máy Dialog+/ hãng Bbraun
177	Phần 177	Quả lọc nước siêu sạch cho máy HDF Online 5008	Quả	10	Quả lọc nước siêu sạch Tương thích với máy HDF Online 5008
178	Phần 178	Quả lọc nước siêu sạch cho máy HDF Online Dialog Bbraun	Quả	4	Quả lọc nước siêu sạch Tương thích với máy HDF Online Dialog Bbraun
179	Phần 179	Quả lọc tách huyết tương các loại dùng cho máy MultiFiltrate	Quả	250	Tương thích với máy siêu lọc MultiFiltrate

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
180	Phần 180	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn cho người lớn	Quả	300	Quả lọc tách huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc ≤ 130 ml - Diện tích màng hiệu dụng $\geq 0,35$ m ² - Chất liệu màng lọc Polypropylene hoặc tương đương - Thể tích máu trong sợi lọc ≤ 50 ml - Tốc độ máu từ < 100 ml/phút đến > 400 ml/phút
181	Phần 181	Quả lọc thận cho máy HDF online 5008	Quả	100	Quả lọc thận Tương thích với máy HDF Online 5008
182	Phần 182	Quả lọc thận cho máy HDF online Dialog/ hãng Bbraun	Quả	100	Quả lọc thận Tương thích với máy HDF Online Dialog/ hãng Bbraun.
183	Phần 183	Quả lọc thận nhân tạo	Quả	7000	Chất liệu màng: polynephron, polysulfone Chất kết dính sợi đầu quả lọc: Polyurethane Thể tích mỗi: ≤ 95 ml Diện tích màng: $\leq 1,5$ m ² Hệ số siêu lọc (KUF): ≥ 20 mL/h/mmHg; Độ thanh thải (ml/phút) với lưu lượng máu Qb= 300ml/phút và dịch Qd= 500 ml/p: Urea: ≥ 264 ml/ph; Creatinine: ≥ 244 ml/ph; Phosphate: ≥ 211 ml/ph; Vitamin B12 < 134 ml/ph.
184	Phần 184	Quả lọc thận thông lượng cao	Quả	100	Chất liệu màng: sợi Polynephron, polysulfone Vỏ quả lọc: Polypropylene Diện tích: $\leq 1,75$ m ² . Thể tích mỗi: ≤ 110 mL. Hệ số siêu lọc: KUF: ≥ 74 (mL/giờ/mmHg); Độ thanh thải (với Qb: 300ml/phút; Qd: 500 ml/ phút): Ure: ≥ 285 ml/min, Creatinine: ≥ 268 ml/min Phosphate: ≥ 254 ml/min, Vitamin B12: ≤ 190 ml/min Inulin: ≥ 121 ml/min, Myoglobin: ≥ 98 ml/min Tiệt trùng: Tia Gamma.
185	Phần 185	Quả siêu lọc máu dùng cho máy MutlFiltrate	Quả	250	Tương thích với máy siêu lọc MultiFiltrate
186	Phần 186	Que cấy nhựa	Cái	48000	Làm bằng nhựa y tế, tiệt khuẩn từng túi 2 que, có tối thiểu 2 loại: 10 μ l và 1 μ l
187	Phần 187	Que gỗ mũi vát dần tiêu bản	Cái	4500	Đường kính 3mm-5mm, dài từ 15cm tới 20cm.
188	Phần 188	Que lấy mẫu bệnh phẩm	Cái	1000	Que gỗ, mũi tròn, dài ≥ 20 cm
189	Phần 189	Que thử đường huyết	Cái	10000	Tương thích với máy đo đường huyết One touch của Hãng Jon
190	Phần 190	Que trang nhựa vi sinh (que trái vi sinh hình tam giác)	Cái	1000	Vật liệu nhựa, vô trùng, qui cách đóng gói: 1 túi/ 1 cái
191	Phần 191	Ruột kẹp đốt lưỡng cực tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz	Cái	30	Chiều rộng hàm 3mm \pm 1mm; Cỡ 5 Dài: ≥ 33 cm tương thích dụng cụ nội soi hãng Karl Storz
192	Phần 192	Sâu máy thở dùng 1 lần	Cái	7000	Có đầu cắt xoay kép và xoay 360°, phù hợp với tất cả các loại dây máy thở, chất liệu nhựa y tế, trong suốt. - Chiều dài co giãn, có thể điều chỉnh trong khoảng 14cm tới 24cm. Nắp lật có cổng 8mm, cổng 4mm cho các đường lấy mẫu khí.
193	Phần 193	Tem mã vạch (25mm x15mm) x150m	Cuộn	150	Tem mã vạch (25mm x15mm); chiều dài: ≥ 150 m; độ bám dính tốt
194	Phần 194	Tem mã vạch (25mm x15mm) x80m	Cuộn	50	Tem mã vạch (25mm x15mm); chiều dài: ≥ 80 m; độ bám dính tốt
195	Phần 195	Test kiểm soát chất lượng tiệt trùng lò hấp hơi nước	Miếng	2000	Công dụng: Kiểm tra chất lượng tiệt trùng với phương pháp tiệt trùng hơi nước, dùng để kiểm tra chất lượng hút chân không của lò tiệt khuẩn. - Chất liệu: Giấy y tế - Chỉ thị đổi màu rõ nhìn thấy bằng mắt thường rằng khi tiệt trùng hơi nước ở 121°C trong 20-25 phút; ở 134°C trong 5-7 phút. - Bảng chỉ số có thể được lưu giữ dưới dạng bản ghi vĩnh viễn - Mục không độc hại, không chứa chì và kim loại nặng.

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
196	Phần 196	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng khí EO (10cm x200m)	Cuộn	80	Kích thước: Chiều ngang: 10cm ±10%; chiều dài ≥ 200m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn EO, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
197	Phần 197	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng khí EO (15cm x200m)	Cuộn	80	Kích thước: Chiều ngang: 15cm ±10%; chiều dài ≥200m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn EO, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
198	Phần 198	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng khí EO (20cm x 200m)	Cuộn	50	Kích thước: Chiều ngang: 20cm ±10%; chiều dài ≥200m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn EO, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
199	Phần 199	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng khí EO (25cm x 200m)	Cuộn	60	Kích thước: Chiều ngang: 25cm ±10%; chiều dài ≥200m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn EO, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
200	Phần 200	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng khí EO (30cm x 200m)	Cuộn	50	Kích thước: Chiều ngang: 30cm ±10%; chiều dài ≥200m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn EO, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
201	Phần 201	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng khí EO (35cm x 200m)	Cuộn	50	Kích thước: Chiều ngang: 35cm ±10%; chiều dài ≥200m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn EO, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
202	Phần 202	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng khí EO (5cm x 200m)	Cuộn	50	Kích thước: Chiều ngang: 5cm ±10%; chiều dài ≥200m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn EO, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
203	Phần 203	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng khí EO (7.5cm x 200m)	Cuộn	50	Kích thước: Chiều ngang: 7.5cm ±10%; chiều dài ≥200m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn EO, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
204	Phần 204	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng plasma (10cm x 70m)	Cuộn	20	Kích thước: Chiều ngang: 10cm ±10%; chiều dài ≥70m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn Plasma, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
205	Phần 205	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng plasma (15cm x 70m)	Cuộn	20	Kích thước: Chiều ngang: 15cm ±10%; chiều dài ≥70m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn Plasma, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
206	Phần 206	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng plasma (20cm x 70m)	Cuộn	25	Kích thước: Chiều ngang: 20cm ±10%; chiều dài ≥70m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn Plasma, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
207	Phần 207	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng plasma (25cm x 70m)	Cuộn	20	Kích thước: Chiều ngang: 25cm ±10%; chiều dài ≥70m. - Cấu tạo: Một mặt là giấy y tế, mặt còn lại là lớp phim trong suốt (PET/PE) - Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt trùng Plasma. Có chỉ thị hóa học chuyển màu rõ rệt và chính xác. - Có 3 đường hàn liên tiếp chống rách.

STT	Tên Phần	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu cấu hình kỹ thuật
208	Phần 208	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng plasma (35cm x 70m)	Cuộn	15	Kích thước: Chiều ngang: 35cm ±10%; chiều dài ≥70m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn Plasma, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
209	Phần 209	Túi ép dẹt trong tiệt khuẩn bằng plasma (7.5cm x 70m)	Cuộn	15	Kích thước: Chiều ngang: 7.5cm ±10%; chiều dài ≥70m. - Cấu tạo: một mặt lớp giấy y tế, một mặt lớp phim trong suốt đa lớp - Có chỉ thị màu cho tiệt khuẩn Plasma, chuyển màu rõ. - Đường hàn viền chắc chắn.
210	Phần 210	Túi thải dịch lọc	Cái	300	Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex. Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT. Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm). Thể tích: ≥5L
211	Phần 211	Túi thải dịch lọc 5L	Cái	300	Túi đựng dịch thải trong lọc máu liên tục, dung tích ≥5 lít. Tương thích hoàn toàn với máy lọc máu liên tục MultiFiltrate
212	Phần 212	Túi zip đựng bệnh phẩm (12cm x17cm)	Cái	2000	Chất liệu nhựa; có khóa kéo kín, đựng được dịch lỏng. Kích thước (12cmx17cm)±10%
213	Phần 213	Túi zip đựng bệnh phẩm (20cm x28cm)	Cái	1000	Chất liệu nhựa có khóa kéo kín, đựng được dịch lỏng. Kích thước (20cmx28cm)±10%
214	Phần 214	Túi zip đựng bệnh phẩm (8cm x13cm)	Cái	5000	Chất liệu nhựa có khóa kéo kín, đựng được dịch lỏng. Kích thước (8cmx13cm)±5%
215	Phần 215	Tuýp Serum đựng mẫu máu	Cái	6000	Ống nghiệm nhựa, Kích thước ≥(13mm x 75mm), dung tích tối đa: ≥ 6ml, có nắp. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Polystyrene.
216	Phần 216	Van bịt kênh hút	Cái	30	Van bịt kênh hút cho ống nội soi tiêu hóa, tương thích với ống nội soi tiêu hóa hãng Olympus.
217	Phần 217	Van bịt kênh khí nước	Cái	30	Van bịt kênh khí nước cho ống nội soi tiêu hóa, tương thích với ống nội soi tiêu hóa hãng Olympus.
218	Phần 218	Van bịt kênh sinh thiết	Cái	30	Van bịt kênh sinh thiết cho ống nội soi tiêu hóa, tương thích với ống nội soi tiêu hóa hãng Olympus.
219	Phần 219	guttapercha điều trị tay	Hộp	200	được làm bằng cao su chiết suất từ cây gutta dùng hàn kín ống tùy trong điều trị nha khoa (cỡ số 15,20,25) độ thun 2%, số lượng trong 1 hộp ≥120 cái.
220	Phần 220	guttapercha điều trị bằng máy	Hộp	100	được làm bằng cao su chiết suất từ cây gutta dùng hàn kín ống tùy trong điều trị nha khoa cỡ số 20, độ thun: có tối thiểu các loại: 2%, 4%, 6%, số lượng trong 1 hộp ≥60 cái.
221	Phần 221	Ống hút nước bọt nha khoa	Hộp	100	Ống hút nước bọt nha khoa, chất liệu nhựa, có thể uốn, dùng hút dịch trong khoang miệng, số lượng trong 1 hộp ≥100 cái.

